

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Biểu mẫu số 39
(Ban hành kèm theo Nghị định số
31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3
năm 2017 của Chính phủ)

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI
TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Trong đó:		Hỗ trợ để đảm bảo mặt bằng dự toán chi NSDP	Số bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng nguồn NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia			Số bổ sung cân đối năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách	Bổ sung nguồn cải cách tiền lương				
					Tổng số	Trong đó: Phần NSDP được hưởng							
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6=7+8	7	8	9	10	11	10=2+6+9
TỔNG SỐ		3.380.000	2.602.255	225.200	2.377.055	2.377.055	3.769.106	3.703.177	65.929	609.812	206.653	0	7.187.826
1	Thành phố Đồng Xoài	663.000	449.600	39.300	410.300	410.300	-	-	-	92.802	64.030		606.432
2	Thị xã Bình Long	277.000	234.800	23.100	211.700	211.700	205.949,0	183.509	22.440	73.610	1.405		515.764
3	Thị xã Phước Long	213.000	185.300	17.900	167.400	167.400	179.170,0	179.170	-	34.392	4.056		402.918
4	Huyện Đồng Phú	443.000	307.950	26.800	281.150	281.150	300.113,0	300.113	-	57.388	15.397		680.848
5	Huyện Lộc Ninh	326.000	244.300	24.100	220.200	220.200	564.297,0	564.297	-	57.850	30.422		896.869
6	Huyện Bù Đốp	161.000	139.155	12.100	127.055	127.055	401.328,0	390.846	10.482	36.345	11.109		587.937
7	Huyện Bù Đăng	211.000	180.800	15.700	165.100	165.100	643.970,0	643.970	-	23.331	39.018		887.119
8	Thị xã Chơn Thành	522.000	409.400	34.200	375.200	375.200	111.018,0	111.018	-	64.535	23.426		608.379
9	Huyện Hớn Quản	237.000	173.600	13.100	160.500	160.500	402.281,0	402.281	-	55.664	2.238		633.783
10	Huyện Bù Gia Mập	147.000	127.250	7.600	119.650	119.650	545.842,0	525.378	20.464	73.811	6.281		753.184
11	Huyện Phú Riềng	180.000	150.100	11.300	138.800	138.800	415.138,0	402.595	12.543	40.085	9.271		614.594